TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2026/HS-PT
Ngày: 16/6/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Phan Thị Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai. Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2026/TLPT-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Phạm Bá T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 27/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Phạm Bá T1 - sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Định (cũ); số CCCD: 052088007524; nơi cư trú: Q, phường B, tỉnh Gia Lai (địa chỉ cũ: xóm E, thôn Q, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Bá L (sinh năm 1951) và bà Ngô Thị H (sinh năm 1956); có vợ: Nguyễn Thị N (sinh năm 1986) và có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 01/10/2023. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Phạm Bá T1 *theo chỉ định của Tòa án:* ông Nguyễn Thanh H1 - Luật sư của Văn phòng L10 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G; địa chỉ: số B đường L, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Phạm Bá T1 chuyển nghề chạy xe ba gác máy sang làm dịch vụ môi giới, làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người có nhu cầu. Thông qua người quen, những người dân trên địa bàn thị xã A, huyện T, thành phố Q, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai biết Phạm Bá T1 có thể giúp họ làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo nhu cầu của mình nên tự liên hệ hoặc thông qua người quen liên hệ để nhờ Phạm Bá T1 giúp đỡ.

Thời gian đầu, Phạm Bá T1 có giúp cho một số người làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có uy tín. Sau đó, do cần tiền để tiêu xài cá nhân, Phạm Bá T1 biết rõ bản thân không có chức năng, chuyên môn và không biết cơ quan Nhà nước có cấp được Giấy chứng nhận quyền sự dụng đất hay không, nhưng Phạm Bá T1 lợi dụng việc Phạm Bá T1 đã liên hệ các cơ quan chuyên môn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số người nên hứa sẽ làm được và cam kết nếu không làm được theo yêu cầu sẽ hoàn trả lại tiền. Đồng thời, Phạm Bá T1 viết, ký tên của mình vào giấy "Hợp đồng làm sổ" theo nội dung đã thỏa thuận rồi đưa cho các bị hại giữ để làm tin hoặc thuê người đến nhà các bị hại dùng máy đo diện tích để đo đạc thửa đất làm cho các bị hại tin tưởng đưa tiền cho Phạm Bá T1. Tùy từng trường hợp cụ thể, T1 đưa ra giá tiền khác nhau và cam kết từ 01 đến 08 tháng thì Nhà nước sẽ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu tạm ứng trước một số tiền để giải quyết các công việc liên quan đến việc cấp sổ. Sau khi nhận được tiền, T1 đưa ra nhiều lý do gian dối khác nhau để yêu cầu bị hại đưa thêm những khoản tiền theo hợp đồng để phục vụ cho việc làm sổ (có trường hợp bị hại đưa vượt số tiền ghi trong hợp đồng). Các bị hại tin tưởng đã đưa tiền theo yêu cầu của T1 và T1 đã sử dụng số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân. Quá thời hạn, các bị hại không nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã yêu cầu T1 trả lại tiền thì T1 tiếp tục sử dụng thủ đoạn gian dối là thông báo với các bị hại về việc Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng để nhận được sổ hồng, sổ đỏ thì phải đưa thêm tiền cho T1 để lo các thủ tục nhận sổ. Sau đó, T1 hẹn các bị hại đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh B để nhận sổ và yêu cầu các bị hại đưa thêm tiền, nhưng thực tế T1 không thực hiện theo nội dung hợp đồng như đã cam kết, mà sử dụng số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, T1 còn dùng các thủ đoạn như: nói dối về việc giúp bị hại đấu giá đất với giá rẻ, bán đất, vay, mượn tiền để làm công việc, dùng vàng giả để thế chấp vay tiền, lo không khám tuyển nghĩa vụ quân sự để chiếm đoạt tiền của các bị hại sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn, cắt liên lạc với các bị hại.

Bằng các thủ đoạn nêu trên, Phạm Bá T1 đã chiếm đoạt của rất nhiều người trên địa bàn thị xã A, huyện T, thành phố Q, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai. Cụ thể: trong khoảng thời gian từ ngày 04/8/2020 đến ngày 08/8/2023, Phạm Bá T1 chiếm đoạt của bà Ngô Thị Thanh H2 tổng số tiền 90.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Bích P tổng số tiền 110.000.000đồng, ông Mai Văn T2 tổng số tiền 1.175.000.000đồng, ông Ngô Văn H3 tổng số tiền 125.000.000đồng, ông Hà Văn H4 tổng số tiền 100.000.000 đồng, ông Lê Văn H5 số tiền 5.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Ánh S số tiền 5.000.000đồng, ông Huỳnh Tấn L1 số tiền 5.000.000đồng, ông Bùi Văn H6 tổng số tiền 20.000.000đồng (ông Bùi Văn H6 nhiều lần đòi lại tiền thì T1 trả lại cho ông Bùi Văn H6 15.000.000đồng, còn chiếm đoạt 5.000.000đồng), ông Thân Trọng B tổng số tiền 20.000.000đồng, ông Thân Như N1 tổng số tiền 7.000.000đồng, bà Trần Thị T3 tổng số tiền 140.000.000đồng, vợ chồng ông Nguyễn Văn T4, bà Lê Thị Kim C tổng số tiền 43.000.000đồng và vợ chồng ông Nguyễn Văn B1, bà Khổng Thị Ngọc H7 tổng số tiền 43.000.000đồng, bà Lê Thị Thu T5 tổng số tiền 16.000.000đồng, bà Dương Thị L2 tổng số tiền 70.000.000đồng, ông Cao Tuấn V tổng số tiền 23.000.000đồng, ông Đặng Vĩnh P1 tổng số tiền 14.500.000đồng, ông Tạ Văn C1 tổng số tiền 50.000.000đồng, ông Nguyễn Văn H8 tổng số tiền 35.500.000đồng, ông Ngô Hữu P2 tổng số tiền 50.000.000đồng, bà Trần Thị T6 tổng số tiền 120.000.000đồng, ông Nguyễn Văn V1 tổng số tiền 40.000.000đồng, bà Trần Thị H9 số tiền 12.000.000đồng, bà Trần Thị H10 tổng số tiền 195.000.000đồng (đã trả 55.000.000đồng, còn chiếm đoạt 140.000.000đồng), ông Nguyễn Tiến Đ tổng số tiền 195.000.000đồng, bà Ngô Thị Hồng L3 tổng số tiền 22.000.000đồng, ông Đỗ Đình T7 tổng số tiền 125.000.000đồng, ông Ngô Phi H11 và bà Ngô Thị Mỹ L4 tổng số tiền 60.000.000đồng, ông Lương Ngọc Đ1 tổng số tiền 89.000.000đồng, vợ chồng ông Nguyễn Văn C2 và bà Nguyễn Thị Huỳnh H12 tổng số tiền 70.000.000đồng, ông Bùi Xuân V2 số tiền 50.000.000đồng, bà Nguyễn Thị T8 tổng số tiền 70.000.000đồng, ông Nguyễn Văn H13 số tiền 5.000.000đồng, ông Nguyễn Thành C3 tổng số tiền 32.500.000đồng, ông Võ Ngọc Q tổng số tiền 130.000.000đồng, ông Phan Văn A số tiền 50.000.000đồng, bà Nguyễn Thị T9 tổng số tiền 155.000.000đồng, ông Phạm T10 tổng số tiền 125.000.000đồng, ông Trương Trọng H14 tổng số tiền 100.000.000đồng, bà Trương Thị Thanh X tổng số tiền 100.000.000đồng, ông Hứa Văn M tổng số tiền 12.000.000đồng, ông Nguyễn Văn T11 tổng số tiền 50.000.000đồng, ông Bùi Văn C4 tổng số tiền 45.000.000đồng, ông Phạm Quang V3 tổng số tiền 111.000.000đồng, ông Đặng Thành C5 tổng số tiền 76.000.000đồng, ông Trần Thanh H15 tổng số tiền 123.000.000đồng, bà Trần Thị Thu T12 tổng số tiền 61.000.000đồng, ông Trần S1 tổng số tiền 65.000.000đồng, ông Bùi Long C6 tổng số tiền 38.000.000đồng, ông Nguyễn Quốc T13 tổng số tiền 70.000.000đồng, ông Nguyễn Văn T14 tổng số tiền 56.000.000đồng, ông Từ Chí T15 tổng số tiền 55.000.000đồng, ông Huỳnh Ngọc X1 tổng số tiền 40.000.000đồng, ông Huỳnh Văn T16 số tiền 20.000.000đồng, vợ chồng bà Nguyễn Thị H16 tổng số tiền 67.500.000đồng, bà

Phan Thị H17 tổng số tiền 17.000.000đồng, ông Nguyễn Văn L5 tổng số tiền 110.000.000đồng, bà Võ Thị N2 tổng số tiền 50.000.000đồng (đã trả 30.000.000đồng, còn chiếm đoạt 20.000.000đồng), bà Đặng Thị L6 tổng số tiền 11.000.000đồng (đã trả 6.000.000đồng, còn chiếm đoạt 5.000.000đồng), ông Trần Ngọc Đ2 tổng số tiền 10.000.000đồng, ông Trần Văn Đ3 5.000.000đồng, ông Nguyễn Ngọc T17 tổng số tiền 80.000.000đồng, ông Trần Quốc H18 tổng số tiền 80.000.000đồng, ông Ngô Văn T18 tổng số tiền 28.000.000đồng, bà Tạ Thị H19 tổng số tiền 62.000.000đồng, ông Đỗ Quang T19 tổng số tiền 50.000.000đồng, ông Huỳnh Văn H20 tổng số tiền 9.000.000đồng, bà Nguyễn Thị L7 tổng số tiền 10.000.000đồng, bà Võ Thị N3 tổng số tiền 42.000.000đồng, ông Võ Thái H21 số tiền 10.000.000đồng, ông Võ Minh Q1 tổng số tiền 15.000.000đồng, ông Ngô Văn T20 tổng số tiền 95.000.000đồng, bà Nguyễn Thị T21 tổng số tiền 658.500.000đồng, bà Trịnh Thị Bích T22 tổng số tiền 19.000.000đồng, bà Trần Thị Cẩm N4 tổng số tiền 36.000.000đồng, ông Bùi Văn P3 số tiền 10.000.000đồng, ông Huỳnh Văn H22 tổng số tiền 57.000.000đồng, ông Võ Phi H23 tổng số tiền 12.000.000đồng, ông Văn Đức Đ4 tổng số tiền 52.000.000đồng, bà Nguyễn Thị H12 tổng số tiền 25.000.000đồng, bà Trần Thị Thu T23 tổng số tiền 18.000.000đồng, ông Lê Hồng K tổng số tiền 16.000.000đồng, ông Nguyễn Văn C7 tổng số tiền 77.500.000đồng, ông Trần Văn T24 tổng số tiền 88.000.000đồng, ông Nguyễn Văn B2 tổng số tiền 45.000.000đồng, ông Lê Hồng H24 tổng số tiền 179.000.000đồng, ông Nguyễn Quốc B3 tổng số tiền 85.000.000đồng, ông Nguyễn Tự D số tiền 4.000.000đồng, ông Nguyễn Văn C8 tổng số tiền 225.000.000đồng, ông Nguyễn Hồng T25 tổng số tiền 578.000.000đồng, ông Huỳnh Long A1 tổng số tiền 90.000.000đồng, bà Trần Thị Tuyết T26 số tiền 18.000.000đồng.

Ngoài ra, để chiếm đoạt tiền của các bị hại, Phạm Bá T1 lên mạng đặt mua 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Văn C2 và bà Nguyễn Thị Huỳnh H12; vợ chồng ông Trần Thanh H15 và bà Nguyễn Thị N5; vợ chồng ông Nguyễn Hồng T25 và bà Hà Thị C9 để chiếm đoạt của những bị hại nêu trên tổng cộng 80.000.000đồng. Cụ thể: chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông C2, bà H12 35.000.000đồng; vợ chồng ông H15, bà N5 15.000.000đồng; vợ chồng ông T25, bà C9 30.000.000đồng.

* Tại Văn bản số 1487/VPĐK-ĐK&CGCN ngày 27/8/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B thông báo như sau: “Qua rà soát, đối chiếu hồ sơ lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh không có lưu trữ thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CX 665473 cho ông Nguyễn Văn C2 và bà Nguyễn Thị Quỳnh H25 với các thông tin cá nhân nêu trên”.

* Tại Bản kết luận giám định số 238/KL-KTHS ngày 03/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 763459, số vào sổ cấp GCN: CS01108 ghi họ tên ông Trần Thanh H15, năm sinh 1983, CMND số: 211737874 và bà Nguyễn Thị N5, sinh năm 1984, CCCD số: 052184009604, địa chỉ: thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là giả.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 665493, số vào sổ cấp GCN: CS03012, ghi họ tên Nguyễn Hồng T25, năm sinh 1963, CCCD số: 052063013962 và bà Hà Thị C9, năm sinh 1965, CCCD số: 052165010175, địa chỉ thường trú: khu vực A, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 08/2026/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm b, e, g, i khoản 1 Điều 52, các điểm b, d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Bá T1 17 (mười bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2026, bị cáo Phạm Bá T1 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Bá T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và bị cáo Phạm Bá T1 chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" vì mức án 17 năm tù là quá nặng. Đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" thì bị cáo không kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Bá T1 là đặc biệt nghiêm trọng, đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo 17 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là đúng người, đúng tội, mức án phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thanh H1 bào chữa cho bị cáo Phạm Bá T1 trình bày rằng: bị cáo Phạm Bá T1 không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, số tiền chiếm đoạt lớn nên Luật sư không có cơ sở để đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Bá T1: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Phạm Bá T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: mặc dù biết rõ bản thân không có chức năng, chuyên môn và không biết cơ quan Nhà nước có cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, Phạm Bá T1 đã nhận tiền của nhiều người, đưa ra thông tin gian dối rằng sẽ làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cam kết nếu không làm được thì sẽ hoàn trả lại tiền. Phạm Bá T1 viết, ký tên của mình vào giấy "Hợp đồng làm sổ" đưa cho các bị hại giữ; thuê người đến nhà các bị hại dùng máy đo diện tích để đo đạc thửa đất làm cho các bị hại tin tưởng đưa tiền. Khi bị hại đòi lại tiền do không nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa thì Phạm Bá T1 tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối bằng việc thông báo Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng để nhận được sổ hồng thì phải đưa thêm tiền cho T1 để T1 lo các thủ tục nhận sổ. Tỉnh hẹn họ đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định để nhận sổ hồng và yêu cầu bị hại đưa thêm tiền. Sau khi nhận được tiền, T1 bỏ trốn và cắt liên lạc với các bị hại. Ngoài ra, T1 còn dùng thủ đoạn nói dối về việc giúp bị hại đấu giá đất với giá rẻ, bán đất, vay, mượn tiền để làm công việc, dùng vàng giả để thế chấp vay tiền, lo khám không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Với các thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 04/8/2020 đến ngày 08/8/2023, Phạm Bá T1 đã chiếm đoạt tiền của 93 bị hại trên địa bàn thị xã A, huyện T, thành phố Q, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai với tổng số tiền 7.759.000.000đồng. Sau đó, các bị hại nhiều lần đòi lại tiền thì T1 đã trả lại cho một số bị hại tổng cộng 106.000.000đồng, còn chiếm đoạt 7.653.000.000đồng.

Sau khi chiếm đoạt tiền của các bị hại ông Nguyễn Hồng T25, ông Trần Thanh H15 và bà Nguyễn Thị Huỳnh H12; khi bị ông T25, ông H15, bà H12 liên tục gọi điện đòi lại tiền thì T1 nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi giao cho ông T25, ông H15, bà H12 để họ tin tưởng không đòi lại tiền và để tiếp tục chiếm đoạt tài sản của những bị hại. Để thực hiện, T1 lên mạng liên hệ với những người không rõ lai lịch đặt mua ba Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: 01 giấy đứng tên vợ chồng ông T25, 01 giấy đứng tên vợ chồng ông H15 và 01 giấy đứng tên vợ chồng bà H12. Sau đó,

T1 đưa các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà H12, ông H15, ông T25 và tiếp tục chiếm đoạt của vợ chồng bà H12 35.000.000đồng, chiếm đoạt của vợ chồng ông H15 15.000.000đồng, chiếm đoạt của vợ chồng ông T25 30.000.000đồng; tổng cộng 80.000.000đồng. Xét Toà án cấp sơ thẩm xử bị cáo T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Bá T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", Hội đồng xét xử thấy: bị cáo T1 đã nhiều lần dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của 93 bị hại với tổng số tiền 7.759.000.000đồng nên phạm vào điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo T1 thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo Phạm Bá T1 thực hiện hành vi phạm tội liên tục trong khoảng thời gian dài, chiếm đoạt tài sản nhiều lần, của nhiều người, sau khi bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A triệu tập làm việc thì bị cáo T1 lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, thể hiện ý thức cố tình thực hiện phạm tội đến cùng, trong các bị hại thì có 04 bị hại đủ 70 tuổi trở lên nên phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, e, g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án 17 năm tù là thỏa đáng, không nặng. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo T1 không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Bá T1 mà chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng và lời trình bày của Luật sư, giữ nguyên hình phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bản án sơ thẩm.

[3] Do nội dung kháng cáo của bị cáo Phạm Bá T1 không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Bá T1 và giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 27/01/2026 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm b, e, g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Bá T1 **17** (mười bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Bá T1 **03** (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Phạm Bá T1 phải chấp hành là **20** (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2023.

3. Về án phí phúc thẩm: bị cáo Phạm Bá T1 phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Luật sư;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên